



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 38



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”), tiền thân là Công ty Dược phẩm cấp I, một doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Liên hiệp các Xí nghiệp dược Việt Nam, nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Vào ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã được chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100108536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 1 năm 2016 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 8 tháng 6 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính tại số 87, phố Nguyễn Văn Trỗi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên
Bà Nguyễn Thùy Dung	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lương Thị Kim Thanh	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Thanh Hải	Thành viên
Bà Hà Lan Anh	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Công Việt Hải	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hòa	Phó Tổng Giám đốc	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Hàn Thị Khánh Vinh – Chủ tịch HĐQT. Ông Công Việt Hải – Tổng Giám đốc được Bà Hàn Thị Khánh Vinh ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số 3151/GUQ-CPC1 ngày 30 tháng 12 năm 2022.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Công Việt Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 12846136/22965228

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”) được lập ngày 8 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2023-004-1



Nguyễn Thu Hằng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3342-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

02-C  
G T  
HH  
& Y  
NA  
HÁ  
N  
M-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.003.412.684.845</b>	<b>974.704.260.480</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>28.789.581.773</b>	<b>20.433.962.843</b>
111	1. Tiền		28.789.581.773	20.433.962.843
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>589.292.140.100</b>	<b>649.204.694.455</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	590.786.638.053	648.470.927.863
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	1.895.796.437	4.755.634.695
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.352.385.977	3.604.187.823
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(5.742.680.367)	(7.626.055.926)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>370.496.224.326</b>	<b>285.420.229.050</b>
141	1. Hàng tồn kho		388.197.677.572	301.510.010.538
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(17.701.453.246)	(16.089.781.488)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>14.834.738.646</b>	<b>19.645.374.132</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	838.358.176	2.146.550.798
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		13.975.129.563	16.382.207.006
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		21.250.907	1.116.616.328
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>156.519.760.874</b>	<b>156.897.741.288</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>96.845.268.832</b>	<b>101.496.871.673</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	68.980.036.032	73.631.638.873
222	Nguyên giá		209.180.275.532	208.163.019.767
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(140.200.239.500)	(134.531.380.894)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	27.865.232.800	27.865.232.800
228	Nguyên giá		30.571.666.000	30.571.666.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.706.433.200)	(2.706.433.200)
<b>250</b>	<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>31.471.181.379</b>	<b>25.177.872.461</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		32.511.198.461	25.177.872.461
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.040.017.082)	-
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>28.203.310.663</b>	<b>30.222.997.154</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	28.203.310.663	30.222.997.154
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.159.932.445.719</b>	<b>1.131.602.001.768</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>888.590.017.962</b>	<b>867.484.389.549</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>888.590.017.962</b>	<b>867.484.389.549</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	571.634.182.849	458.100.854.090
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	4.576.597.475	1.426.532.832
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.909.790.687	3.961.782.978
314	4. Phải trả người lao động		8.750.862.420	8.527.780.523
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	4.756.258.585	4.702.818.040
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	12.413.517.721	10.776.249.241
320	7. Vay ngắn hạn	17	281.844.371.946	378.274.231.816
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	1.704.436.279	1.714.140.029
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>271.342.427.757</b>	<b>264.117.612.219</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>271.342.427.757</b>	<b>264.117.612.219</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		209.790.000.000	209.790.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		209.790.000.000	209.790.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.444.991.780	2.444.991.780
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		59.107.435.977	51.882.620.439
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		12.119.443.827	10.390.492.653
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		46.987.992.150	41.492.127.786
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.159.932.445.719</b>	<b>1.131.602.001.768</b>

 

Người lập  
Ninh Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng  
Đặng Thị Dư



  
Tổng Giám đốc  
Công Việt Hải

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	2.159.564.636.491	2.182.419.981.415
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(100.577.544)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	2.159.464.058.947	2.182.419.981.415
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(1.865.743.565.213)	(1.933.822.694.385)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		293.720.493.734	248.597.287.030
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	13.115.665.237	21.066.051.671
22	7. Chi phí tài chính	23	(59.380.497.788)	(31.504.841.445)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>(20.699.715.878)</i>	<i>(21.917.605.875)</i>
25	8. Chi phí bán hàng	24	(146.263.350.560)	(140.018.086.989)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(35.950.783.356)	(40.531.798.235)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		65.241.527.267	57.608.612.032
31	11. Thu nhập khác		285.648.801	681.328.587
32	12. Chi phí khác		(45.472.696)	(1.387.759.069)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác		240.176.105	(706.430.482)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		65.481.703.372	56.902.181.550
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(14.993.711.222)	(11.910.053.764)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		50.487.992.150	44.992.127.786
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	2.129	1.882
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	2.129	1.882

Người lập  
Ninh Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng  
Đặng Thị Dự



Tổng Giám đốc  
Cộng Việt Hải

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>65.481.703.372</b>	<b>56.902.181.550</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, hao mòn tài sản cố định vô hình và chi phí phân bổ tiền sử dụng đất		8.443.665.672	8.453.871.480
03	Các khoản dự phòng		16.375.749.255	18.567.299.955
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.900.787.636	1.123.211.617
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.766.675.917)	(1.858.591.730)
06	Chi phí lãi vay	23	20.699.715.878	21.917.605.875
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>111.134.945.896</b>	<b>105.105.578.747</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		65.649.872.778	(101.151.543.421)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(102.295.103.008)	217.461.850.543
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		116.608.457.588	(105.478.803.129)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		2.306.632.846	(3.036.741.377)
14	Tiền lãi vay đã trả		(20.631.275.333)	(22.021.343.315)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13.663.251.842)	(11.800.000.000)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(5.510.680.362)	(5.009.945.576)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>153.599.598.563</b>	<b>74.069.052.472</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(6.127.773.104)	(2.992.915.084)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7.333.326.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.415.175.917	1.858.591.730
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(11.045.923.187)</b>	<b>(1.134.323.354)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		785.090.039.222	1.131.459.254.727
34	Tiền trả nợ gốc vay		(881.519.899.092)	(1.172.238.317.978)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(37.786.829.200)	(33.557.870.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		<b>(134.216.689.070)</b>	<b>(74.336.933.651)</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		<b>8.336.986.306</b>	<b>(1.402.204.533)</b>
60	Tiền đầu năm		<b>20.433.962.843</b>	<b>21.865.758.073</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		18.632.624	(29.590.697)
70	Tiền cuối năm	<b>4</b>	<b>28.789.581.773</b>	<b>20.433.962.843</b>

Người lập  
Ninh Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng  
Đặng Thị Dư



Tổng Giám đốc  
Công Việt Hải

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”), tiền thân là Công ty Dược phẩm cấp I, một doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Liên hiệp các Xí nghiệp dược Việt Nam, nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Vào ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã được chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100108536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 1 năm 2016 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 8 tháng 6 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 323 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 338 người).

**Cấu trúc Công ty**

Trong năm 2022, Công ty có 1 cơ sở bán buôn và 4 chi nhánh hạch toán phụ thuộc (“đơn vị trực thuộc”). Chi tiết như sau:

<i>Tên</i>	<i>Địa chỉ</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Cơ sở bán buôn số 1	Quầy 438, tầng 4, Trung tâm Phân phối Dược phẩm và Trang thiết bị Hapulico, tòa nhà 24T1, đường Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Số 297/24A, đường Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Quảng Ninh	Số 146, ngõ 3, đường Cao Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Đà Nẵng	Lô 75-76-77, khu Dân cư, số 2, đường Phần Lãng, phường An Khê, Quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Nghệ An	Số 11, đường Lenin, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Cơ sở lập báo cáo tài chính của Công ty*

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính được thực hiện bằng cách hợp cộng các chỉ tiêu tương ứng của tất cả báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc.

Các giao dịch đầu tư vốn, cung cấp hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm, thu hộ, chi hộ,... giữa văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau được cân trừ theo từng chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính.

### 2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### **3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là hàng hóa với chi phí mua được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Chi phí trả trước (tiếp theo)**

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo vào ngày 21 tháng 10 năm 2005 và ngày 21 tháng 2 năm 2017 với thời hạn thuê lần lượt là từ ngày 21 tháng 10 năm 2005 đến ngày 21 tháng 10 năm 2050 và từ ngày 21 tháng 2 năm 2017 đến ngày 16 tháng 8 năm 2050. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp và được nghiệm thu, xác nhận bởi khách hàng.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

10  
CỘNG  
HỘI  
TÊN  
ST &  
TỆT  
HI N  
HÀ  
KIẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty kinh doanh hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

#### 3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	255.581.478	3.127.389.531
Tiền gửi ngân hàng	28.534.000.295	17.306.573.312
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>28.789.581.773</u></b>	<b><u>20.433.962.843</u></b>

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trung tâm Giám định bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến	25.389.827.483	10.978.151.513
Bệnh viện Chợ Rẫy	19.566.172.227	24.424.111.448
Bệnh viện Bạch Mai	13.978.069.220	15.938.812.060
Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	13.860.957.025	7.034.318.762
Bệnh viện K	10.786.946.970	14.699.314.821
Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	13.770.158.950	6.965.875.017
Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Sóc Trăng	9.225.740.210	5.646.451.019
Bệnh viện Nhi Trung Ương	6.573.780.950	3.123.633.500
Bệnh viện Trung ương Huế	6.384.075.240	9.843.644.951
Phải thu khách hàng khác	471.250.909.778	549.168.144.972
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	-	648.469.800
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>590.786.638.053</u></b>	<b><u>648.470.927.863</u></b>
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>(5.742.680.367)</i>	<i>(7.626.055.926)</i>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một số khoản công nợ phải thu đã được Công ty sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 17.

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Anh	630.000.000	4.355.634.695
Saint Corporation	753.266.880	-
Trả trước cho người bán khác	12.529.557	400.000.000
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	500.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.895.796.437</u></b>	<b><u>4.755.634.695</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Phải thu hàng nhập khẩu ủy thác (*)	433.818.852	-	1.012.337.839	-
Thuế nhập khẩu ủy thác trả hộ	1.536.676.729	-	1.140.883.277	-
Phải thu tiền bồi thường từ nhà cung cấp	-	-	625.520.881	-
Ký quỹ, ký cược	29.685.900	-	441.651.699	-
Phải thu ngắn hạn khác	352.204.496	-	383.794.127	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.352.385.977</b>	<b>-</b>	<b>3.604.187.823</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là các khoản phải thu từ các bên giao ủy thác nhập khẩu liên quan đến giá trị các lô hàng nhập khẩu ủy thác đã hoàn thành trong năm và đã được Công ty thanh toán cho nhà cung cấp nhưng chưa được bên giao ủy thác hoàn trả.

**7. NỢ XẤU**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	3.233.303.063	2.172.544.877	-	-
Bệnh Viện Chợ Rẫy Công ty Cổ phần Dược vật tư Y tế Thái Bình	1.183.167.987	828.217.591	3.545.425.690	1.772.712.845
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi khác	623.804.500	-	873.804.500	-
	9.940.812.287	6.237.645.002	14.925.871.043	9.946.332.462
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.981.087.837</b>	<b>9.238.407.470</b>	<b>19.345.101.233</b>	<b>11.719.045.307</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi trên đường	111.887.545.859	-	73.248.430.449	-
Hàng hóa	276.310.131.713	(17.701.453.246)	228.261.580.089	(16.089.781.488)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>388.197.677.572</b>	<b>(17.701.453.246)</b>	<b>301.510.010.538</b>	<b>(16.089.781.488)</b>

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	16.089.781.488	9.989.735.534
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	17.219.107.732	18.677.848.853
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(15.607.435.974)	(12.577.802.899)
<b>Số cuối năm</b>	<b>17.701.453.246</b>	<b>16.089.781.488</b>

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Số dư đầu năm	152.365.765.450	29.306.848.171	23.091.124.017	3.399.282.129	208.163.019.767
- Mua trong năm	-	3.109.157.417	-	103.227.273	3.212.384.690
- Thanh lý, nhượng bán			(1.583.708.495)	(169.852.304)	(1.753.560.799)
- Giảm khác	(420.886.738)	-	(20.681.388)	-	(441.568.126)
Số dư cuối năm	151.944.878.712	32.416.005.588	21.486.734.134	3.332.657.098	209.180.275.532
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	79.649.290.922	22.494.329.157	12.946.132.829	2.003.726.941	117.093.479.849
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số dư đầu năm	91.257.646.134	24.347.683.221	16.397.401.942	2.528.649.597	134.531.380.894
- Khấu hao trong năm	3.755.263.699	2.087.746.482	1.209.272.422	370.136.802	7.422.419.405
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.583.708.495)	(169.852.304)	(1.753.560.799)
Số dư cuối năm	95.012.909.833	26.435.429.703	16.022.965.869	2.728.934.095	140.200.239.500
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số dư đầu năm	61.108.119.316	4.959.164.950	6.693.722.075	870.632.532	73.631.638.873
Số dư cuối năm	56.931.968.879	5.980.575.885	5.463.768.265	603.723.003	68.980.036.032

Một số tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 17 với giá trị còn lại là 26.392.684.575 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số dư đầu năm	<u>27.870.452.800</u>	<u>2.701.213.200</u>	<u>30.571.666.000</u>
Số dư cuối năm	<u>27.870.452.800</u>	<u>2.701.213.200</u>	<u>30.571.666.000</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	5.220.000	2.701.213.200	2.706.433.200
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số dư đầu năm	<u>5.220.000</u>	<u>2.701.213.200</u>	<u>2.706.433.200</u>
Số dư cuối năm	<u>5.220.000</u>	<u>2.701.213.200</u>	<u>2.706.433.200</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số dư đầu năm	<u>27.865.232.800</u>	<u>-</u>	<u>27.865.232.800</u>
Số dư cuối năm	<u>27.865.232.800</u>	<u>-</u>	<u>27.865.232.800</u>

H  
Y  
C  
N  
A  
H  
A  
I  
N  
O  
T  
A  
T  
I  
O  
N

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

B09-DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (i)	2.666.666	27.776.985.675	-	239.999.940.000	2.000.000	20.443.659.675
Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar (i)	67.082	2.790.867.722	(1.040.017.082)	1.750.850.640	67.082	2.790.867.722
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (i)	99.825	971.029.662	-	1.377.585.000	99.825	971.029.662
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm (i)	17.600	300.659.375	-	413.600.000	17.600	300.659.375
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha (i)	18.000	472.871.724	-	671.040.000	18.000	472.871.724
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyền Quang	18.000	197.784.303	-	(ii)	18.000	197.784.303
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi - Synthelabo Việt Nam	10	1.000.000	-	(ii)	10	1.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>32.511.198.461</b>	<b>(1.040.017.082)</b>			<b>25.177.872.461</b>

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của các công ty này được xác định bằng giá đóng cửa của cổ phiếu trên các sàn chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(ii) Công ty không thể thu thập được các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của giá trị đầu tư tại các công ty này do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa	524.645.954	1.051.629.264
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	205.833.333	952.768.534
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	63.878.889	142.153.000
Chi phí thuê	44.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>838.358.176</b>	<b>2.146.550.798</b>
<b>Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất trả trước	26.976.479.392	27.997.725.659
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	1.226.831.271	2.225.271.495
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>28.203.310.663</b>	<b>30.222.997.154</b>

**13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**13.1 Phải trả cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán	571.149.751.398	571.149.751.398	456.772.195.056	456.772.195.056
- Công ty TNHH Hyphens Pharma	164.895.920.295	164.895.920.295	122.185.194.701	122.185.194.701
- Công ty TNHH MI Pharma	103.423.171.419	103.423.171.419	60.994.677.701	60.994.677.701
- Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	62.149.796.667	62.149.796.667	77.949.602.326	77.949.602.326
- Panpharma GmbH	53.655.194.425	53.655.194.425	11.671.109.207	11.671.109.207
- Phải trả khác	187.025.668.592	187.025.668.592	183.971.611.121	183.971.611.121
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	484.431.451	484.431.451	1.328.659.034	1.328.659.034
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>571.634.182.849</b>	<b>571.634.182.849</b>	<b>458.100.854.090</b>	<b>458.100.854.090</b>

**13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH EVD Dược phẩm và Y Tế	2.468.093.361	-
Công Ty TNHH Dược phẩm Vạn Cường Phát	276.877.103	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.381.627.011	1.376.532.832
Bên liên quan trả trước	450.000.000	50.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.576.597.475</b>	<b>1.426.532.832</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp/phát sinh trong năm	Số đã nộp/cán trừ trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	1.991.328.788	2.785.767.719	(4.714.041.036)	63.055.471
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	59.980.686.298	(59.980.686.298)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	531.680.622	(531.680.622)	-
Thuế sử dụng đất	(1.095.365.421)	4.621.353.617	(3.525.988.196)	-
Thuế thu nhập cá nhân	506.905.692	2.801.733.378	(2.868.515.868)	440.123.202
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.053.964.958	14.993.711.222	(13.663.251.842)	2.384.424.338
Phí, lệ phí	388.332.633	32.242.769	(419.638.633)	936.769
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.845.166.650</b>	<b>85.747.175.625</b>	<b>(85.703.802.495)</b>	<b>2.888.539.780</b>
<b>Trong đó:</b>				
- Thuế phải nộp	3.961.782.978			2.909.790.687
- Thuế phải thu	(1.116.616.328)			(21.250.907)

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thưởng kinh doanh trích trước	4.473.000.000	4.488.000.000
Chi phí lãi vay trích trước	283.258.585	214.818.040
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.756.258.585</b>	<b>4.702.818.040</b>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả hàng ủy thác (i)	10.207.943.344	3.828.810.024
Phải trả chi phí xây dựng cơ bản	-	3.368.663.581
Cổ tức phải trả	142.841.000	167.470.200
Kinh phí công đoàn	38.235.540	36.960.600
Các khoản phải trả khác	2.024.497.837	3.374.344.836
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.413.517.721</b>	<b>10.776.249.241</b>

(i) Đây là các khoản phải trả liên quan đến nghiệp vụ nhập khẩu được ủy thác.

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 17. VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	17.1	323.807.231.816	772.005.039.222	(840.983.899.092)	254.828.371.946	254.828.371.946
Vay ngắn hạn cá nhân	17.2	54.467.000.000	13.085.000.000	(40.536.000.000)	27.016.000.000	27.016.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>378.274.231.816</b>	<b>785.090.039.222</b>	<b>(881.519.899.092)</b>	<b>281.844.371.946</b>	<b>281.844.371.946</b>

### 17.1. Vay ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	72.272.100.670	Kỳ hạn vay 5 đến 6 tháng. Ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 28 tháng 3 năm 2023. Lãi vay phải trả hàng tháng.	4,5% - 7,63%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	37.019.542.697	Kỳ hạn vay 6 tháng. Ngày giải trả nợ cuối cùng vào ngày 15 tháng 3 năm 2023. Lãi vay phải trả hàng tháng.	4,5% - 8,5%	Tai sản gắn liền với đất tại số 356A đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	80.490.764.299	Kỳ hạn vay 5 tháng. Ngày trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 10 tháng 6 năm 2023. Lãi vay phải trả hàng tháng.	4,4% - 7,5%	Tai sản gắn liền với đất tại số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	40.913.752.802	Kỳ hạn vay 3 đến 6 tháng. Ngày trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 30 tháng 6 năm 2023. Lãi vay phải trả hàng tháng.	4,5% - 8,6%	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	24.132.211.478	Kỳ hạn vay 6 tháng. Ngày trả nợ gốc cuối cùng vào 26 tháng 5 năm 2023. Lãi vay phải trả hàng tháng.	4,8% - 7%	Các khoản phải thu liên quan đến hàng hóa thương mại được mua từ nguồn vốn vay.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>254.828.371.946</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VAY NGẮN HẠN** (tiếp theo)

**17.2. Vay cá nhân**

Chi tiết các khoản vay cá nhân được trình bày như sau:

Cá nhân	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Vay cá nhân	27.016.000.000	Thanh toán nợ gốc khi có yêu cầu. Lãi vay phải trả hàng quý.	6 - 8,3%	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>27.016.000.000</u></b>			

**18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.714.140.029	1.638.965.027
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 19.1)	5.500.976.612	5.085.120.578
Sử dụng trong năm	<u>(5.510.680.362)</u>	<u>(5.009.945.576)</u>
Số cuối năm	<b><u>1.704.436.279</u></b>	<b><u>1.714.140.029</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>				
Số dư đầu năm	209.790.000.000	2.444.991.780	45.542.013.231	257.777.005.011
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	44.992.127.786	44.992.127.786
- Chia cổ tức	-	-	(33.566.400.000)	(33.566.400.000)
- Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	-	-	(312.000.000)	(312.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng do hoàn thành và vượt kế hoạch năm 2020	-	-	(1.273.120.578)	(1.273.120.578)
- Tạm trích quỹ phúc lợi năm 2021	-	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
Số dư cuối năm	<u>209.790.000.000</u>	<u>2.444.991.780</u>	<u>51.882.620.439</u>	<u>264.117.612.219</u>
<b>Năm nay</b>				
Số dư đầu năm	209.790.000.000	2.444.991.780	51.882.620.439	264.117.612.219
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	50.487.992.150	50.487.992.150
- Chia cổ tức (*)	-	-	(37.762.200.000)	(37.762.200.000)
- Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (*)	-	-	(312.000.000)	(312.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng do hoàn thành và vượt kế hoạch năm 2021 (*)	-	-	(1.688.976.612)	(1.688.976.612)
- Tạm trích quỹ phúc lợi năm 2022 (*)	-	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
Số dư cuối năm	<u>209.790.000.000</u>	<u>2.444.991.780</u>	<u>59.107.435.977</u>	<u>271.342.427.757</u>

(\*) Công ty đã thực hiện chia cổ tức và trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 và tạm trích quỹ phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022 căn cứ theo Nghị quyết số 1266/NQHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 59/NQHĐQT-CPC1 ngày 2 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số (VND)	Cổ phiếu thường	Tổng số (VND)	Cổ phiếu thường
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	137.215.500.000	13.721.550	137.215.500.000	13.721.550
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	-	-	30.000.000.000	3.000.000
Ông Lê Nam Thắng	17.000.000.000	1.700.000	7.000.000.000	700.000
Bà Lê Thị Kim Ánh	15.188.000.000	1.518.800	5.188.000.000	518.800
Ông Nguyễn Doãn Liêm	12.109.400.000	1.210.940	12.109.400.000	1.210.940
Cổ đông khác	28.277.100.000	2.827.710	18.277.100.000	1.827.710
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>209.790.000.000</b>	<b>20.979.000</b>	<b>209.790.000.000</b>	<b>20.979.000</b>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu).

**19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	209.790.000.000	209.790.000.000
Vốn góp tăng/(giảm) trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>209.790.000.000</u>	<u>209.790.000.000</u>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>37.762.200.000</b>	<b>33.566.400.000</b>

**19.4 Cổ tức**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức năm 2021: 1.800 VND/cổ phiếu	37.762.200.000	-
Cổ tức năm 2020: 1.600 VND/cổ phiếu	-	33.566.400.000
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày kết thúc năm tài chính</b>	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**19.5 Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
<b>Cổ phiếu đã được duyet</b>	<b>20.979.000</b>	<b>209.790.000.000</b>	<b>20.979.000</b>	<b>209.790.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>20.979.000</b>	<b>209.790.000.000</b>	<b>20.979.000</b>	<b>209.790.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>20.979.000</b>	<b>209.790.000.000</b>	<b>20.979.000</b>	<b>209.790.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa nhập khẩu ủy thác giữ hộ bên thứ ba (VND)	19.153.024.324	17.833.392.228
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	22.524	53.610
- Euro (EUR)	14.924	10.903

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.159.564.636.491</b>	<b>2.182.419.981.415</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	2.139.184.221.653	2.159.616.435.707
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.380.414.838	22.803.545.708
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(100.577.544)</b>	<b>-</b>
Hàng bán bị trả lại	(100.577.544)	-
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>2.159.464.058.947</b>	<b>2.182.419.981.415</b>
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	2.156.670.905.827	2.175.920.692.637
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 27)	2.793.153.120	6.499.288.778

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU** (tiếp theo)

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.700.489.320	18.695.116.588
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.371.152.000	1.820.131.800
Lãi bán hàng trả chậm	-	512.343.353
Lãi tiền gửi	44.023.917	38.459.930
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.115.665.237</b>	<b>21.066.051.671</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	1.865.743.565.213	1.933.822.694.385
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.865.743.565.213</b>	<b>1.933.822.694.385</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	20.699.715.878	21.917.605.875
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	34.739.977.192	8.886.502.837
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.900.787.636	1.123.211.617
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	1.040.017.082	(422.478.884)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>59.380.497.788</b>	<b>31.504.841.445</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	53.059.519.563	54.818.004.573
Chi phí vật liệu, bao bì	8.422.630.090	9.384.434.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.897.457.685	48.237.432.603
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.416.798.571	7.431.501.045
Chi phí bán hàng khác	30.466.944.651	20.146.713.855
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>146.263.350.560</b>	<b>140.018.086.989</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	12.147.150.978	12.515.680.522
Chi phí thuê đất (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	5.546.686.608	4.730.897.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	(1.883.375.559)	311.929.986
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.806.067.921	10.838.877.103
	13.334.253.408	12.134.413.193
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>35.950.783.356</b>	<b>40.531.798.235</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí mua hàng hóa để bán	1.848.524.457.481	1.915.144.845.532
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.422.630.090	9.384.434.913
Chi phí nhân công	65.206.670.541	67.333.685.095
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.228.965.947	62.785.960.869
Chi phí khấu hao, hao mòn và chi phí phân bổ tiền sử dụng đất	8.443.665.672	8.453.871.480
Trích lập dự phòng	15.335.732.173	18.989.778.839
Chi phí khác	43.795.577.225	32.280.002.881
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.047.957.699.129</b>	<b>2.114.372.579.609</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.993.711.222	11.046.801.922
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	863.251.842
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.993.711.222</b>	<b>11.910.053.764</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	65.481.703.372	56.902.181.550
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	13.096.340.674	11.380.436.310
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Dự phòng hàng tồn kho không đạt chất lượng	2.307.906.409	-
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	54.600.000	43.600.000
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	9.094.539	277.551.814
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	863.251.842
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập từ cổ tức	(474.230.400)	(364.026.360)
Thu nhập không chịu thuế khác	-	(290.759.842)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>14.993.711.222</b>	<b>11.910.053.764</b>

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan với Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty đầu tư dài hạn khác
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi - Synthelabo Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược Danapha - Nanosome	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Công ty có chung thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc đến ngày 1 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thùy Dung	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Công Việt Hải	Tổng Giám đốc từ ngày 1 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hòa	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 1 tháng 7 năm 2021
Ông Lê Nam Thắng	Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 26 tháng 4 năm 2021
Bà Đặng Thị Dư	Kế toán trưởng
Bà Lương Thị Kim Thanh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Bùi Thị Thanh Hải	Kiểm soát viên
Bà Hà Lan Anh	Kiểm soát viên
Bà Đỗ Thị Thu Huyền	Quản trị viên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

*Đơn vị tính: VND*

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Cổ tức đã công bố và đã trả	24.698.790.000	21.954.480.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty đầu tư dài hạn khác	Doanh thu dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ Cổ tức công bố và đã trả Cổ tức đã nhận	2.118.153.120 1.213.155.925 5.400.000.000 2.133.332.800	2.222.263.778 5.852.581.964 4.800.000.000 1.600.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Công ty có chung thành viên Hội đồng Quản trị	Bán hàng hóa và dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ	675.000.000 1.135.380.150	960.000.000 3.048.258.000

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)</b>				
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	-	648.469.800
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>-</b>	<b>648.469.800</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trà trước người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Công ty có chung thành viên Hội đồng Quản trị	Đặt cọc mua hàng	500.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>500.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty đầu tư dài hạn khác	Mua hàng hóa	479.899.000	1.315.268.408
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	4.532.451	13.390.626
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>484.431.451</b>	<b>1.328.659.034</b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Chủ tịch HĐQT	84.000.000	74.000.000
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên HĐQT	60.000.000	35.000.000
Bà Nguyễn Thùy Dung	Thành viên HĐQT	60.000.000	35.000.000
Ông Lê Nam Thắng	Thành viên HĐQT đến ngày 26 tháng 4 năm 2021	-	25.000.000
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc đến ngày 1 tháng 4 năm 2022	324.845.455	914.136.184
Ông Phạm Đức Thọ	Chủ tịch HĐQT đến ngày 26 tháng 4 năm 2021, Phó Tổng Giám đốc đến ngày 1 tháng 7 năm 2021	-	430.065.455
Bà Nguyễn Thị Hòa	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 1 tháng 7 năm 2021	567.877.116	340.121.499
Ông Công Việt Hải	Tổng Giám đốc từ ngày 1 tháng 4 năm 2022	530.223.278	-
Ban Kiểm soát	Ban Kiểm soát	524.238.635	575.093.920
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.211.184.484</b>	<b>2.488.417.058</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty hiện đang đi thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	4.793.838.472	4.793.838.472
Từ 1 - 5 năm	23.467.217.700	23.467.217.700
Trên 5 năm	71.810.627.250	76.504.070.790
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>100.071.683.422</u></b>	<b><u>104.765.126.962</u></b>

**29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	50.487.992.150	44.992.127.786
Quý khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong năm	(5.815.438.980)	(5.500.976.612)
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b><u>44.672.553.171</u></b>	<b><u>39.491.151.174</u></b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.979.000	20.979.000
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>20.979.000</u></b>	<b><u>20.979.000</u></b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.129</b>	<b>1.882</b>

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh giảm khoản tạm trích các quỹ khen thưởng và phúc lợi cho Ban điều hành, cán bộ công nhân viên và quỹ thưởng do hoàn thành và vượt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận căn cứ theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết số 1266/NQĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Người lập  
Ninh Thị Thu Hiền



Kế toán trưởng  
Đặng Thị Dư



Tổng Giám đốc  
Công Việt Hải

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2023

